

Bản án số: 204/2026/HSST

Ngày: 15/06/2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hương Giang.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Long.

2. Ông Nguyễn Đức Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Từ Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên:

Bà Phạm Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 06 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 188/2026/HSST ngày 19 tháng 05 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2026/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 06 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. TRẦN XUÂN L, sinh năm 2001; Nơi cư trú: **Thôn C, xã H, thành phố Hà Nội**; CCCD số: 001201039979; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông: **Trần Xuân T** và con bà **Lê Thị N**; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/03/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – **Công an thành phố H**. Có mặt tại phiên tòa.

2. ĐỖ ĐỨC L1, sinh năm 2003; Nơi cư trú: **Thôn V, xã H, thành phố Hà Nội**; CCCD số: 001203043715; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông: **Đỗ Bá T1** (đã chết) và con bà **Nguyễn Thị B**; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án:

- Ngày 28/09/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 22 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng (Án số 865/HS-PT). Ngày 01/05/2025 ra trại (chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/07/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – **Công an thành phố H**. Có mặt tại phiên tòa.

3. NGÔ VĂN BÌNH, sinh năm 1998; Nơi cư trú: **Thôn V, xã H, thành phố Hà Nội**; CCCD số: 001098004749; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông: **Ngô Văn T2** và con bà **Vũ Thị A** (đã chết); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân:

- Ngày 26/08/2019, bị Công an huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/07/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị B – Sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Thôn V, xã H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 31/7/2025, Tổ công tác Công an xã H, TP. tiến hành kiểm tra hành chính quán karaoke "Minh Đức Q" có địa chỉ tại thôn B, xã H, TP. do Bùi Văn S (SN: 1985, HKTT: thôn Y, xã H, tỉnh Ninh Bình) là chủ quán. Quá trình tiến hành kiểm tra tại tầng 01 ở khu vực quầy lễ tân có 02 người gồm: Nguyễn Thị L2 (SN: 1991, HKTT: thôn Đ, xã H, TP.) là nhân viên lễ tân và Nguyễn Thị Thu T3 (SN: 2005, HKTT: xã T, tỉnh Phú Thọ) là nhân viên của quán. Tại sảnh tầng 2 có 03 người gồm: Bùi Văn S là chủ quán; Ngô Quỳnh A1 (SN: 2007, HKTT: xóm N, xã V, tỉnh Ninh Bình) và Phạm Thị Ngọc A2 (SN: 2010, HKTT: phường L, Xã K, tỉnh Ninh Bình) đều là nhân viên của quán. Kiểm tra tại phòng P03 tầng 2 có 03 người gồm: Đỗ Đức L1 đang ngồi ở ghế gần cửa ra vào, Ngô Văn B1 và Nguyễn Xuân T4 (SN: 2008, HKTT: Đội 10, xã C, TP.) ngồi cạnh nhau ở ghế đối diện cửa ra vào. Khi kiểm tra trong phòng P03 tổ công tác phát hiện, thu giữ gồm: túi nilong diện (2x2)cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng tại khe ghế cạnh cửa nhà vệ sinh trong phòng (được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1); 01 đĩa sứ màu trắng hình bầu dục kích thước khoảng (25x18)cm, đã qua sử dụng tại gầm ghế sát tường phía đông trong phòng (được niêm phong dán kín, ký hiệu M2); 01 thẻ CCCD số 001098004749 mang tên Ngô Văn B1, trên bàn giữa phòng (được niêm phong trong phong bì ký hiệu M3) và 01 bật lửa màu đỏ đã qua sử dụng. Ngoài ra, tổ công tác còn thu giữ 01 điện thoại hiệu Iphone 7plus màu hồng, đã qua sử dụng có số Imei: 359473082288883 của Ngô Văn B1; 01 điện thoại hiệu Iphone 8plus màu đen, đã qua sử dụng có số Imei: 359500089140194 và số tiền 5.010.000 đồng của Đỗ Đức L1 (trong số tiền 5.010.000 đồng có tờ tiền 10.000 đồng được cuộn thành ống hút để sử dụng ma túy). Sau đó, tổ công tác đã đưa các đối tượng cùng tang vật về trụ sở Công an xã H để làm việc.

Ngày 31/7/2025, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố H tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Ngô Văn B1, Đỗ Đức L1, Bùi Văn S. Quá trình khám xét không phát hiện, thu giữ gì.

Ngày 31/7/2025, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố H tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với Ngô Văn B1, Đỗ Đức L1, Nguyễn Xuân T4, Bùi Văn S, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị Thu T3, Ngô Quỳnh A1 và Phạm Thị Ngọc A2. Kết quả: Ngô Văn B1 và Đỗ Đức L1 đều dương tính với ma túy Ketamine, M và MDMA. Đối với T4, S, L2, T3, Quỳnh A1 và Ngọc A2 đều âm tính.

Tại Bản kết luận giám định số 4662/KL-KTHS ngày 09/8/2025 của **Phòng K - Công an thành phố H**, kết luận:

- *Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilong (kí hiệu M1) là ma túy loại Ketamine, khối lượng: 0,556 gam.*

- *01 đĩa sứ màu trắng hình bầu dục (kí hiệu M2) và 01 thẻ CCCD mang tên **Ngô Văn B1** (kí hiệu M3) đều có dính ma túy loại Ketamine.*

Tại Bản kết luận giám định số 1931/KL-KTHS ngày 19/02/2026 của **Phòng K - Công an thành phố H**, kết luận:

- *01 tờ tiền mệnh giá 10.000 VNĐ có dính ma túy loại Ketamine.*

Tại cơ quan điều tra các đối tượng khai nhận:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 30/7/2025, **Đỗ Đức L1** cùng **Ngô Văn B1** ngồi uống bia ở **quán B2**, địa chỉ tại **thôn X, xã H, thành phố Hà Nội** thì gặp **Trần Xuân L** cũng đang ngồi uống bia, sau đó **L** sang ngồi uống cùng **B1** và **L1**. Đến khoảng 21 giờ 10 phút cùng ngày, **L** rủ **L1** và **B1** đi hát và sử dụng ma túy thì **B1** và **L1** đồng ý. Lúc này, **B1** hỏi vay **L1** số tiền 3.500.000 đồng mục đích để đưa cho **L** đi mua ma túy về sử dụng thì **L1** đồng ý và sử dụng tài khoản số 0982604945 tại **ngân hàng M1** của **L1** chuyển số tiền 3.500.000 đồng đến số tài khoản 115701818 **ngân hàng M1** của **L**. Sau khi nhận được tiền thì **L** và **B1** đi tìm chỗ mua ma túy, còn **L1** ngồi uống bia tiếp. Do không tìm mua được ma túy nên **L** và **B1** về hỏi **L1**: "**L1** lấy được ma túy không" **L1** bảo: "để em thử gọi". **L1** dùng số điện thoại 0982604945 gọi đến số 0364406331 hỏi mua 02 viên ma túy kẹo và 01 chỉ ma túy Ketamine của nam thanh niên không quen biết và được báo giá tổng là 2.700.000 đồng, nam thanh niên hẹn **L1** đến khu vực dốc **đê X thuộc thôn X, xã H** để giao ma túy. Lúc này, **L1** quay sang bảo **L** hết 2.800.000 đồng (gồm 2.700.000 đồng tiền ma túy và 100.000 đồng tiền xe giao đến) và đưa **L1** tiền để đi lấy. Do **L** không có tiền mặt nên đã dùng số tài khoản 115701818 **ngân hàng M1** của **L**, chuyển khoản số tiền 3.000.000 đồng đến số tài khoản 3301688888 **ngân hàng T5** của bà **Nguyễn Mai L3** (SN: 1972, chủ **quán B2**) để đổi sang tiền mặt. Sau đó, **L** đưa cho **L1** 2.800.000 đồng, **L1** cầm tiền và điều khiển xe máy đi đến khu vực dốc **đê X** mua của nam thanh niên không quen biết 02 túi nilong chứa ma túy Ketamine và 01 túi nilong chứa hai viên ma túy kẹo với giá 2.800.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, **L1** quay lại quán bia gặp **L** và **B1**, rồi **L1** bảo "lấy được đồ rồi", **L** nói với **L1** và **B1** là đến quán "**Minh Đức Q**" ở **thôn B, xã H, TP**. để hát, **L** nói "anh em cứ đi chơi đi, anh lo hết tiền phòng với nhân viên rồi", **L1**, **B1** hiểu ý của **L** là rủ đi hát và sử dụng ma túy, tiền phòng hát và nhân viên để **L** trả hết nên **L1** và **B1** đồng ý.

Sau đó, **L** bảo **Nguyễn Xuân T4** (bạn của **L**) đến đón **L** về đám ma ở **thôn V, xã H**, còn **L1** và **B1** về nhà **B1** cất xe máy của **B1** rồi **L1** điều khiển xe của **L** chở **B1** đến ngã tư **thôn X, xã H** để đợi **L**. Khoảng 05 phút sau, **T4** và **L** đến chỗ **L1** và **B1** rồi tất cả đi đến quán hát "**Minh Đức Q**", đến nơi nhóm của **L** được **Nguyễn Thị L2** (nhân viên quán) đưa lên phòng P01 trên tầng hai của quán, trong phòng có 01 nữ nhân viên là **Nguyễn Thị Thu T3** đang ngồi trong phòng. Sau đó, **L** bảo **L1**, **B1** chuyển sang phòng P03 để một mình **T4** ở phòng P01, **B1** bảo **T3** sang phòng P03 cùng. Vào phòng P03, **L1** ngồi một mình ở ghế ngắn bên trái cửa ra vào, **B1**, **L** và **T3** ngồi ghế dài bên phía đối diện. **L1** lấy 01 túi

nilong chứa hai viên ma túy kẹo và 01 túi nilong chứa ma túy Ketamine từ túi quần ra để lên ghế cạnh chỗ B1 ngồi, 01 túi nilong chứa ma túy Ketamine còn lại L1 vẫn để trong túi quần. L1 lấy ma túy kẹo trong túi nilong đang để gần B1 ra tự bẻ ra nửa viên để sử dụng còn lại L1 đưa cho L, B1. L sử dụng 01 viên ma túy kẹo, còn B1 sử dụng nửa viên ma túy kẹo do L1 bẻ ra, T3 không sử dụng ma túy kẹo. Sử dụng ma túy kẹo xong, L bảo B1 ra ngoài hành lang bên ngoài phòng hát lấy 01 đĩa sứ màu trắng để xào ma túy Ketamine. L1 đưa cho B1 01 túi nilong chứa ma túy Ketamine, B1 đổ ma túy Ketamine ra đĩa, dùng bật lửa của Bình hơi nóng đĩa rồi lấy thẻ căn cước công dân của B1 để xào và chia nhỏ ma túy trên đĩa, L1 quần tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng thành ống hút rồi để lên đĩa. B1 dùng ống hút sử dụng ma túy Ketamine trước, sau đó đến L1 và L tiếp tục sử dụng ma túy trên đĩa. Sau khi sử dụng ma túy xong, L1 cất đĩa sứ xuống gầm ghế rồi tắt cả ngòi hát và uống bia. Tiếp đó, L gọi thêm hai nhân viên nữ là Phạm Thị Ngọc A2 và Ngô Quỳnh A1 vào phòng P03 để phục vụ, nhưng Ngọc A2 và Quỳnh A1 không sử dụng ma túy, khoảng 15 phút sau thì Ngọc A2 và Quỳnh A1 đi ra khỏi phòng. Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, L bảo với L1 và B1 là về nhà có việc một lúc rồi quay lại, L1 đưa cho L 01 túi ma túy Ketamine còn lại nhưng L đã đưa lại cho L1 để L1 và B1 ở lại sử dụng tiếp. Sau đó, L1 cất túi ma túy Ketamine ở khe ghế cạnh cửa nhà vệ sinh trong phòng P03 với mục đích để sử dụng tiếp. Sau khi L về thì Nguyễn Xuân T4 sang phòng P03 mời bia L1 và B1, T4 không sử dụng ma túy. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 31/7/2025, Tổ công tác Công an xã H kiểm tra hành chính tại phòng P03 đã phát hiện, thu giữ các tang vật như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Xuân L đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 26/02/2026, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố H ra Quyết định truy nã đối với Trần Xuân L. Ngày 01/3/2026, Trần Xuân L đến Cơ quan CSĐT - Công an thành phố H đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Ngày 15/01/2026, Cơ quan điều tra có công văn đề nghị Ngân hàng Thương mại cổ phần Q2 (M2) sao kê hoạt động tài khoản đối với số tài khoản 115701818 của Trần Xuân L và số tài khoản 0982604945 của Đỗ Đức L1. Kết quả: Ngày 30/7/2025, số tài khoản 115701818 của Trần Xuân L được chuyển đến 3.500.000 đồng từ số tài khoản 0982604945 của Đỗ Đức L1.

Ngày 15/01/2026, bà Nguyễn Mai L3 cung cấp cho Cơ quan điều tra bảng số tài khoản 3301688888 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K1 (T5) của bà L3. Kết quả: Ngày 30/7/2025, số tài khoản 3301688888 của bà Nguyễn Mai L3 được chuyển đến 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) từ số tài khoản 115701818 của Trần Xuân L.

Đối với nam thanh niên đã bán ma túy cho Đỗ Đức L1 tại khu vực dọc đê Xâm Xuyên thuộc thôn X, xã H, TP. vào tối ngày 30/7/2025. Do L1 không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể. Mặt khác, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa làm rõ được nên không đề cập xử lý trong vụ án này, khi nào làm rõ sẽ đề cập xử lý sau là có căn cứ.

Đối với số điện thoại 0364406331. Quá trình điều tra xác định, chủ thuê bao là ông Mai Văn Q1 (SN: 1969; HKTT: thôn V, xã G, tỉnh Ninh Bình). Ông Q1 trình bày khoảng tháng 02/2020 có đăng ký và sử dụng số điện thoại trên

nhưng quá trình sử dụng đã bị mất điện thoại cùng sim số 0364406331 từ lâu, ông Q1 không biết ai đang sử dụng số điện thoại trên và không liên quan gì đến việc mua bán ma túy tại khu vực dốc đê X thuộc thôn X, xã H, thành phố Hà Nội vào tối ngày 30/7/2025. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Mai Văn Q1 là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Xuân T4 đi cùng Trần Xuân L đến quán hát "Minh Đức Q" và sang phòng P03 uống bia cùng Đỗ Đức L1 và Ngô Văn B1. Quá trình điều tra xác định T4 không sử dụng ma túy, không biết việc L, L1, B1 tổ chức sử dụng ma túy trong phòng P03 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Nguyễn Xuân T4 là có căn cứ.

Đối với Bùi Văn S là chủ quán Karaoke "Minh Đức Q". Quá trình điều tra xác định S không biết việc L, L1, B1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng P03. Ngày 11/02/2026, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với S về hành vi Thiếu trách nhiệm trong thực hiện quy định quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh để xảy ra hoạt động sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực do mình quản lý là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Thị L2 là nhân viên giúp việc cho Bùi Văn S làm công việc tính tiền phòng, dọn dẹp tại quán Karaoke "Minh Đức Q". Quá trình điều tra xác định L2 không biết việc L, L1, B1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng P03 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Nguyễn Thị L2 là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Thị Thu T3, Ngô Quỳnh A1 và Phạm Thị Ngọc A2 là nhân viên nữ được Bùi Văn S thuê đến để phục vụ tại phòng hát P03 của quán Karaoke "Minh Đức Q". Quá trình điều tra xác định, T3, Quỳnh A1, Ngọc A2 được gọi đến để phục vụ, rót bia cho khách, không sử dụng ma túy hay tham gia vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Nguyễn Thị Thu T3, Ngô Quỳnh A1 và Phạm Thị Ngọc A2 là có căn cứ.

Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu hồng, thu giữ của Ngô Văn B1. Quá trình điều tra xác định là điện thoại của Ngô Văn B1 sử dụng để liên lạc cá nhân, cần tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 điện thoại hiệu Iphone 8plus màu đen đã qua sử dụng, thu giữ của Đỗ Đức L1. Quá trình điều tra xác định là điện thoại của Đỗ Đức L1 sử dụng để liên lạc mua ma túy, cần tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng thu giữ của Đỗ Đức L1. Quá trình điều tra xác định là tiền của bà Nguyễn Thị B (SN: 1976, HKTT: thôn V, xã H, TP.), là mẹ của Đỗ Đức L1. Ngày 30/7/2025, bà B nhờ L1 đi thu hộ tiền hàng của khách, cần tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 phong bì niêm phong, bên trong có 01 túi nilông diện (2x2)cm chứa ma túy Ketamine, 01 đĩa sứ màu trắng hình bầu dục kích thước khoảng (25x18)cm, 01 thẻ CCCD số 001098004749 mang tên Ngô Văn B1, 01 bật lửa màu đỏ và 01 tờ tiền 10.000 đồng. Quá trình điều tra xác định là ma túy và công cụ mà các đối tượng dùng vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, cần tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 102/CT-VKS-KV11 ngày 19 tháng 05 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội truy tố các bị cáo **Trần Xuân L**, **Đỗ Đức L1** và **Ngô Văn B1** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà sau khi phân tích vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo kết luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, xử phạt: **Trần Xuân L** từ 07 năm 02 tháng đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, xử phạt: **Đỗ Đức L1** từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, xử phạt: **Ngô Văn B1** từ 07 năm 02 tháng đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo;

Về vật chứng: Áp dụng 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu huỷ: 0.521 gam ma túy Ketamine còn lại sau giám định; 01 đĩa sứ màu trắng hình bầu dục, 01 bật lửa màu đỏ.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Số tiền 10.000 đồng; 01 điện thoại hiệu Iphone 8plus màu đen đã qua sử dụng, thu giữ của **Đỗ Đức L1**.

+ Trả lại cho bị cáo **Ngô Văn B1**: 01 thẻ CCCD số 001098004749 mang tên **Ngô Văn B1**; 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu hồng, thu giữ của **Ngô Văn B1**.

+ Trả lại cho bà **Nguyễn Thị B**: Số tiền 5.000.000 đồng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà:

Các bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận nội dung, tội danh cáo trạng Viện kiểm sát truy tố là đúng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến: Số tiền 5.000.000 đồng thu giữ của bị cáo **L1** là của tôi nhờ **L1** đi thu hộ tiền hàng, tôi không biết việc bị cáo sử dụng ma túy. Đề nghị HĐXX cho tôi xin lại số tiền trên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng: Về các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố H, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội thu thập; về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thu thập và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thu thập, thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh:

Khoảng 21 giờ 10 phút ngày 30/7/2025, tại quán B2 ở thôn X, xã H, TP., Trần Xuân L đã rủ Ngô Văn B1 và Đỗ Đức L1 đi mua ma túy về để sử dụng thì B1 và L1 đều đồng ý. L1 đã đi mua được 02 túi nilong chứa ma túy Ketamine và 02 viên ma túy kẹo của nam thanh niên không quen biết với giá 2.800.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, L, L1, B1 đi đến quán Karaoke "Minh Đức Q" có địa chỉ tại thôn B, xã H, TP. để hát và sử dụng ma túy. Tại phòng P03 trên tầng 2, quán Karaoke "Minh Đức Q" L1 đã lấy 02 viên ma túy kẹo và 01 túi nilong chứa ma túy Ketamine từ túi quần ra cho mọi người sử dụng. L1 và B1 mỗi người sử dụng nửa viên ma túy kẹo còn L sử dụng 01 viên ma túy kẹo. Sau đó, B1 lấy 01 đĩa sứ màu trắng, thẻ căn cước công dân của B1 và chiếc bật lửa để xào ma túy Ketamine, còn L1 quán tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng thành ống hút để L, B1 và L1 cùng sử dụng ma túy Ketamine. Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, L có việc nên về nhà thì L1 đưa cho L 01 túi ma túy Ketamine có khối lượng 0,556 gam nhưng L đưa lại cho L1 để L1 và B1 ở lại sử dụng tiếp. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 31/7/2025, khi các đối tượng đang sử dụng ma túy thì bị Tổ công tác Công an xã H kiểm tra hành chính, phát hiện và thu giữ tang vật gồm: 01 gói ma túy là Ketamine, khối lượng 0,556 gam; 01 đĩa sứ; 01 chiếc bật lửa; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Ngô Văn B1 và 01 tờ tiền 10.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Trần Xuân L, Đỗ Đức L1 và Ngô Văn B1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Viện kiểm sát truy tố bị cáo ra xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ Pháp lý.

[3]. Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Ma túy là mối nguy hiểm của xã hội, bởi nó không chỉ là nguyên nhân gây ra nhiều tệ nạn xã hội, làm thiệt hại kinh tế, gây suy thoái đạo đức và lối sống mà còn là nguyên nhân làm phát sinh nhiều tội phạm nguy hiểm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, là tác nhân

trực tiếp làm cho tệ nạn ma túy phát triển. Do tính chất nghiêm trọng của vụ án, để đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm về ma túy nói riêng, cần thiết phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo và làm bài học răn đe người khác.

[4]. Xét vai trò của từng bị cáo: **Trần Xuân L** có vai trò là người khởi xướng, rủ **L1**, **B1** sử dụng ma túy và thuê phòng hát. **Đỗ Đức L1** là người trực tiếp mua ma túy, quán tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng thành ông hút để làm dụng cụ sử dụng ma túy. **Ngô Văn B1** phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho hành vi tổ chức sử dụng ma túy, cầm dụng cụ sử dụng ma túy vào phòng và trực tiếp xào ma túy Ketamine để mọi người sử dụng.

[5]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo **Đỗ Đức L1** có 01 tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo **L**, **L1**, **B1** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để giảm một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo **Trần Xuân L** đầu thú được giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7]. Về vật chứng:

Đối với 0.521 gam ma túy Ketamine còn lại sau giám định là chất Nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 đĩa sứ màu trắng hình bầu dục, 01 bật lửa màu đỏ là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nhưng có giá trị sử dụng nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại hiệu Iphone 8plus màu đen đã qua sử dụng, thu giữ của **Đỗ Đức L1** xét thấy đây là tài sản của bị cáo, bị cáo sử dụng để liên lạc mua ma túy nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 thẻ CCCD số 001098004749 mang tên **Ngô Văn B1**, xét thấy đây là giấy tờ tùy thân do cơ quan nhà nước cấp nên trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu hồng, thu giữ của **Ngô Văn B1**, xét thấy đây là tài sản riêng của bị cáo, bị cáo sử dụng để liên lạc cá nhân, không sử dụng vào hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng thu giữ của **Đỗ Đức L1**, xét thấy đây là tài sản của bà **Nguyễn Thị B** là mẹ của **Đỗ Đức L1**, nhờ **L1** đi thu hộ tiền hàng của khách nên trả lại cho bà **B**.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với nam thanh niên đã bán ma túy cho **Đỗ Đức L1** tại khu vực dốc đê Xâm Xuyên thuộc **thôn X, xã H, TP**. vào tối ngày 30/7/2025. Do **L1** không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể. Mặt khác, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng

chưa làm rõ được nên không đề cập xử lý trong vụ án này, khi nào làm rõ sẽ đề cập xử lý sau là có căn cứ. Tòa không xét.

Đối với số điện thoại 0364406331. Quá trình điều tra xác định, chủ thuê bao là ông **Mai Văn Q1** (SN: 1969; HKTT: **thôn V, xã G, tỉnh Ninh Bình**). Ông **Q1** trình bày khoảng tháng 02/2020 có đăng ký và sử dụng số điện thoại trên nhưng quá trình sử dụng đã bị mất điện thoại cùng sim số 0364406331 từ lâu, ông **Q1** không biết ai đang sử dụng số điện thoại trên và không liên quan gì đến việc mua bán ma túy tại khu vực dốc **đê X thuộc thôn X, xã H, thành phố Hà Nội** vào tối ngày 30/7/2025. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với **Mai Văn Q1** là có căn cứ. Tòa không xét.

Đối với **Nguyễn Xuân T4** đi cùng **Trần Xuân L** đến quán hát "**Minh Đức Q**" và sang phòng P03 uống bia cùng **Đỗ Đức L1** và **Ngô Văn B1**. Quá trình điều tra xác định **T4** không sử dụng ma túy, không biết việc **L, L1, B1** tổ chức sử dụng ma túy trong phòng P03 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với **Nguyễn Xuân T4** là có căn cứ. Tòa không xét.

Đối với **Bùi Văn S** là chủ quán Karaoke "**Minh Đức Q**". Quá trình điều tra xác định **S** không biết việc **L, L1, B1** tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng P03. Ngày 11/02/2026, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với **S** về hành vi Thiếu trách nhiệm trong thực hiện quy định quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh để xảy ra hoạt động sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực do mình quản lý là có căn cứ. Tòa không xét.

Đối với **Nguyễn Thị L2** là nhân viên giúp việc cho **Bùi Văn S** làm công việc tính tiền phòng, dọn dẹp tại quán Karaoke "**Minh Đức Q**". Quá trình điều tra xác định **L2** không biết việc **L, L1, B1** tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng P03 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với **Nguyễn Thị L2** là có căn cứ. Tòa không xét.

Đối với **Nguyễn Thị Thu T3, Ngô Quỳnh A1** và **Phạm Thị Ngọc A2** là nhân viên nữ được **Bùi Văn S** thuê đến để phục vụ tại phòng hát P03 của quán Karaoke "**Minh Đức Q**". Quá trình điều tra xác định, **T3, Quỳnh A1, Ngọc A2** được gọi đến để phục vụ, rót bia cho khách, không sử dụng ma túy hay tham gia vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với **Nguyễn Thị Thu T3, Ngô Quỳnh A1** và **Phạm Thị Ngọc A2** là có căn cứ. Tòa không xét.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Trần Xuân L, Đỗ Đức L1 và Ngô Văn B1 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 đối với bị cáo **Trần Xuân L**;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 đối với bị cáo **Đỗ Đức L1**;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 đối với bị cáo **Ngô Văn B1**;

- Căn cứ 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Xử phạt:

- Bị cáo **Trần Xuân L** 07 (bảy) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/03/2026.

- Bị cáo **Đỗ Đức L1** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/07/2025.

- Bị cáo **Ngô Văn B1** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/07/2025.

[2]. Về vật chứng

- Tịch thu tiêu huỷ:

+ 0.521 gam ma túy Ketamine còn lại sau giám định;

+ 01 đĩa sứ màu trắng hình bầu dục;

+ 01 bật lửa màu đỏ.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

+ Số tiền 10.000 đồng;

+ 01 điện thoại hiệu Iphone 8plus màu đen, đã qua sử dụng, số Imei: 359500089140194.

- Trả lại cho bị cáo **Ngô Văn B1**: 01 thẻ CCCD số 001098004749 mang tên **Ngô Văn B1**; 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu hồng, đã qua sử dụng, Imei: 35947308228883.

(Hiện các vật chứng đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực vực 11 – Hà Nội theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/06/2026).

- Trả lại cho bà **Nguyễn Thị B**: Số tiền 5.000.000 đồng. *(Theo giấy nộp tiền ngày 25/12/2025, STK: 3949.0.1054168 của Thi hành án Dân sự thành phố H)*

[3]. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận

- TANDTP Hà Nội;

- VKSNDTP Hà Nội;

- VKSND khu vực 11 – Hà Nội;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

- Công an khu vực 11 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 11 – Hà Nội;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

Lê Hương Giang

Nơi nhận

- TANDTP Hà Nội;
- VKSNDTP Hà Nội;
- VKSND khu vực 11 – Hà Nội;
- Công an khu vực 11 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 11 – Hà Nội;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

Lê Hương Giang